

Số: 157/2025/QĐST-HNGĐ

B, ngày 16 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào: Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19/2016 ngày 27 tháng 6 năm 2016 tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh C.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 141/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người yêu cầu sau đây:

- **Chị Hoàng Thị X**, sinh năm 1991;

- **Anh Đàm Văn Đ**, sinh năm 1993;

Cùng nơi đăng ký thường trú: Xóm K, xã Đ, huyện Q, tỉnh C.

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố T 5, phường X, quận B, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị X và anh Đàm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/06/2016 tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh C. Anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, hai bên không còn quan tâm chăm sóc nhau. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Đến nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

[2] Về con chung: Chị X và anh Đ có 02 con chung là cháu Đàm Hải Đ, sinh ngày 19/09/2016 và cháu Đàm Hải N, sinh ngày 08/08/2018. Anh chị thỏa thuận giao cháu Đ và cháu N cho Chị X trực tiếp nuôi dưỡng; anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/1 cháu/1 tháng kể từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự

thay đổi khác. Sự thỏa thuận trên của đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị X và anh Đàm Văn Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị X và anh Đàm Văn Đ.

- *Về con chung:* Chị Hoàng Thị X và anh Đàm Văn Đ có 02 con chung là cháu Đàm Hải Đ, sinh ngày 19/09/2016 và cháu Đàm Hải N, sinh ngày 08/08/2018. Giao cháu Đ và cháu N cho Chị X trực tiếp nuôi dưỡng; anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/1 cháu/1 tháng kể từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. anh Đ có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về lệ phí: Chị Hoàng Thị X và anh Đàm Văn Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh chị đã nộp theo biên lai số: 0075744 ngày 08/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H. Ghi nhận anh Đ và Chị X đã nộp đủ lệ phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Q